**Ma trận đề kiểm tra giữa học kì 1 năm học 2022-2023**

**MÔN: CÔNG NGHỆ LỚP 6.**

**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút**

**(Tỉ lệ 40% trắc nghiệm và 60% tự luận)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **%**  **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng**  **cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **Số CH** | **Thời gian**  (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **1. Nhà ở** | ***1.1. Nhà ở đối với con người*** | **1** | 9 | 4 | 4,5 |  |  |  |  | 4 | 1 | 13,5 | **30%** |
| ***1.2. Xây dựng nhà ở*** | 2 | 2,25 | **1** | 4,5 |  |  |  |  | 4 | 1 | 6,75 | **15%** |
| ***1.3. Ngôi nhà thông minh*** | 4 | 4,5 | 2 | 2,25 |  |  | **1** | 4,5 | 6 | 1 | 11,25 | **25%** |
| ***1.4. Sử dụng năng lượng trong gia đình*** | 2 | 2,25 | 2 | 2,25 | **1** | 9 |  |  | 5 | 2 | 13,5 | **30%** |
| **Tổng** | | | **9** | **18** | **9** | **13,5** | 1 | **9** | 1 | **4,5** | **16** | **4** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  |  |  |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  | |  |  |

**Nếu là cuối kì thì ghi thêm:Nội dung nửa đầu học kì: 20 - 30%.Nội dung nửa học kì sau: 70 - 80%**

Bảng 3.2. Bản đặc tả đề kiểm tra giữa học kì I, môn Công nghệ 6.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung kiến thức | Đơn vị kiến thức | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ đánh giá | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng  cao |
| *1* | I. Nhà ở | *1.1. Nhà ở đối với con người* | Nhận biết: -Nêu được vai trò của nhà ở.  - Nêu được đặc điểm chung của nhà ở Việt Nam.  - Kể được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. | 1  1 | *1* |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được một số kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. |  | 2 |  |  |
| **Vận dụng:**  - Xác định được kiểu kiến trúc ngôi nhà em đang ở. |  |  | 1 |  |
| *1.2. Xây dựng nhà ở* | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số vật liệu xây dựng nhà ở.  - Kể tên được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. | 2  2 |  |  |  |
| **Thông hiểu**:  - Sắp xếp đúng trình tự các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.  - Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. |  | 1  1 |  |  |
| *1.3. Ngôi nhà thông minh* | Nhận biết:  - Nêu được đặc điểm của ngôi nhà thông minh. | 1 |  |  |  |
| Thông hiểu:  - Mô tả được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. |  | 1 |  |  |
| - Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. | 1 |  |  |  |
| *1.4. Sử dụng năng lượng trong gia đình* | Nhận biết:  - Trình bày được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. | 2 |  |  |  |
| Thông hiểu:  - Trình bày được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. |  | 1 |  |  |
| Vận dụng:  - Đề xuất được những việc làm cụ thể để xây dựng thói quen sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. |  |  | 1 |  |
| Vận dụng cao:  - Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. |  |  |  | 1 |
|  |  |  | Tổng | 10 | 7 | 2 | 1 |